

Số: /QĐ-UBND

Tây Trà Bông, ngày tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây, huyện Trà Bông
Địa điểm: Xã Tây Trà Bông, tỉnh Quảng Ngãi
(trước là xã Trà Tây, huyện Trà Bông), tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂY TRÀ BÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024);

Căn cứ Quyết định số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024);

Căn cứ Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng vật nuôi là thủy sản và mức bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời đối với vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định về hạn mức giao đất ở, đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy định, kế hoạch sử dụng đất; hạn mức công nhận đất ở; hạn mức giao đất để công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang; hạn mức nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân; quy định các loại giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15/10/1993 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển Kinh tế - Xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quy định mức hỗ trợ đào tạo nghề và hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Trà Bồng; Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Trà Bồng;

Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 20/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt danh mục bổ sung công trình, dự án năm 2025 và phê duyệt Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Trà Bồng;

Căn cứ Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất cấp huyện; Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh về việc chuyển Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất cấp huyện về Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi và Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 409/QĐ- TTQĐ ngày 04/8/2025 của Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chuyển viên chức, người lao động.

Căn cứ Quyết định số 3333/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình: Khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây, huyện Trà Bồng;

Căn cứ Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Công trình Khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây, huyện Trà Bồng;

Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư trong Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng Công trình: Khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây, huyện Trà Bồng;

Căn cứ Quyết định 4114/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây, huyện Trà Bồng

Căn cứ Công văn số 23/STC-QLGCS ngày 03/7/2025 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi về việc thông báo đơn giá gạo tẻ tháng 03 và Quý II năm 2025;

Căn cứ các Thông báo từ số 155 đến số 164 ngày 20/6/2025 của UBND huyện Trà Bồng Thông báo thu hồi đất để thực hiện Công trình: Khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây, huyện Trà Bồng;

Căn cứ Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai số 187 đến số 193/TB-ĐKĐĐ ngày 10/6/2025 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Trà Bồng.

Căn cứ Công văn số 100/UBND ngày 25/6/2025 của UBND xã Trà Tây về việc xác nhận vị trí đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây, huyện Trà Bồng;

Căn cứ Công văn số 152/UBND ngày 30/6/2025 của UBND xã Trà Tây về việc công nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất để lập phương án bồi thường, GPMB thực hiện dự án: Khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây, huyện Trà Bồng;

Căn cứ Công văn số 151/UBND-KT ngày 30/6/2025 của UBND xã Trà Tây về việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng, tỷ lệ % thu hồi, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất thu hồi dự án: Khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây, huyện Trà Bồng;

Căn cứ Công văn số 233/UBND ngày 05/9/2025 của UBND xã Trà Trà Bồng về việc kiểm tra, cung cấp và xác nhận về số nhân khẩu hiện có của gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi Công trình: Khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây, huyện Trà Bồng;

Căn cứ vào biên bản xác định tài sản có trên đất bị thu hồi của các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức, bảng tổng hợp diện tích đất, loại đất, vị trí đất, nguồn gốc sử dụng đất, chủ sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, tình hình nhân khẩu trong hộ, việc hộ dân còn hay không còn chỗ ở khác trên địa bàn xã Trà Trà Bồng (trước là xã Trà Tây)... được địa phương xác nhận.

Căn cứ bản đồ trích đo địa chính khu đất do Sở Nông nghiệp và Môi trường Quảng Ngãi thẩm định ngày 02/7/2025.

Căn cứ Biên bản kết thúc niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây, huyện Trà Bồng lập ngày 05/8/2025

Căn cứ Biên bản cuộc họp lấy ý kiến về Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và lấy ý kiến về việc đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm dự án Khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây, huyện Trà Bồng lập ngày 12/9/2025.

Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh khu vực Bình Sơn, tại tờ trình số 06/TTr-TTQĐ-KVBS ngày 23/09/2025; Báo cáo kết quả thẩm định số 02/BC-PKT ngày 30/09/2025 của Trưởng Phòng Kinh tế xã Trà Trà Bồng về việc thẩm định duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ; Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho từng hộ gia đình, cá nhân thuộc Dự án: Khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây, huyện Trà Bồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây, huyện Trà Bồng; cụ thể như sau:

1. Tên Phương án: Phương án bồi thường hỗ trợ dự án: Khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây, huyện Trà Bồng.

2. Tên dự án: Khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây, huyện Trà Bồng.

3. Địa điểm thực hiện: Xã Trà Trà Bồng (trước là xã Trà Tây, huyện Trà Bồng), tỉnh Quảng Ngãi.

4. Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

5. Đơn vị lập phương án bồi thường: Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh khu vực Bình Sơn.

6. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

7. Vị trí đất: Theo bản đồ địa chính số 9 (tỷ lệ 1/2000) và số 3 (tỷ lệ 1/5000 dự án đất lâm nghiệp) xã Trà Tây, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã

Tây Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi); để làm thủ tục phê duyệt phương án bồi thường và lập thủ tục thu hồi đất do Công Ty TNHH TMDV Tư Vấn Thắng Lợi thực hiện ngày 14/06/2025 và được Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi thẩm định ngày 02/07/2025.

8. Số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất đai, tài sản bị thiệt hại: 08 hộ gia đình cá nhân và 02 tổ chức.

9. Tổng diện tích đất của hộ gia đình cá nhân bị thu hồi được bồi thường hỗ trợ. (theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất). Bao gồm cụ thể như sau.

Tổng diện tích đất thu hồi, diện tích từng loại đất thu hồi:	20.319,9 m²
Đất thu hồi được bồi thường, hỗ trợ:	18.395,2 m²
Diện tích trong quy hoạch:	18.330,7 m²
Đất trồng cây lâu năm vị trí 2 (CLN):	18.330,7 m ²
Diện tích ngoài quy hoạch thu hồi luôn:	64,5 m²
Đất trồng cây lâu năm vị trí 2 (CLN):	64,5 m ²
Đất thu hồi không được bồi thường, hỗ trợ:	1.924,7 m²
Đất giao thông (DGT)	270,9 m ²
Đất y tế (DYT)	4,2 m ²
Đất ở nông thôn (ONT)	1.649,6 m ²

10. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không.

11. Tổng số hộ gia đình, được tái định cư: Không.

12. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi thu hồi đất: Không.

13. Phương án di chuyển công trình hạ tầng trong phạm vi thu hồi đất: Không.

14. Khối lượng thiệt hại được bồi thường hỗ trợ:

ST T	Hạng mục	ĐV T	Số lượng	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Mức hỗ trợ	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8=4*5*6*7
A	<u>ĐẤT ĐAI</u>			-	-	-	<u>4.525.219.200</u>
A1	Bồi thường về đất:	m²	20.319,9	-	-	-	754.203.200
I	Đất nông nghiệp	m²	18.395,2				754.203.200
1	Diện tích trong quy hoạch	m²	18.330,7				

1.1	Đất trồng cây lâu năm (CLN) vị trí 2	m ²	18.330,7	100%		41.000	751.558.700
2	Diện tích ngoài quy hoạch thu hồi luôn	m ²	64,5				
2.1	Đất trồng cây lâu năm (CLN) vị trí 2	m ²	64,5	100%		41.000	2.644.500
II	Đất tổ chức	m²	1.924,7				
1	Đất giao thông (DGT)	m ²	270,9				
2	Đất y tế (DYT)	m ²	4,2				
3	Đất ở nông thôn (ONT)	m ²	1.649,6				
A2	Hỗ trợ về đất:		-	-	-	-	3.771.016.000
I	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	m²	18.395,2				3.771.016.000
1	Đất trồng cây lâu năm (CLN) vị trí 2	m ²	18.395,2	100%	5	41.000	3.771.016.000
B	CÂY CỎI, HOA MÀU						754.243.000
1	Chè giâm hom có đường kính gốc $\geq 5\text{cm}$ đến $<10\text{cm}$	Cây	29	100%		80.000	2.320.000
2	Mít trồng hạt có đường kính gốc $<20\text{ cm}$, đã cho quả	Cây	1	100%		300.000	300.000
3	Mít trồng hạt có đường kính gốc $\geq 20\text{ cm}$ đến $<30\text{ cm}$, đã cho quả	Cây	10	100%		450.000	4.500.000
4	Cau trồng có chiều cao thân $\geq 0,5\text{m}$ đến $<2\text{m}$, chưa cho quả	Cây	23	100%		80.000	1.840.000
5	Cau đã cho quả	Cây	70	100%		400.000	28.000.000
6	Keo có đường kính gốc $> 2\text{cm}$ đến $\leq 4\text{cm}$	Cây	1.846	100%		64.000	118.144.000
7	Keo có đường kính gốc $> 4\text{cm}$ đến $\leq 8\text{cm}$	Cây	224	100%		90.000	20.160.000
8	Keo có đường kính gốc $> 8\text{cm}$ đến $\leq 12\text{cm}$	Cây	1.908	100%		136.000	259.488.000
9	Keo có đường kính gốc $> 12\text{cm}$ đến $\leq 16\text{cm}$	Cây	263	100%		180.000	47.340.000
10	Lồ ô xanh chưa già	Cây	183	100%		20.000	3.660.000
11	Lồ ô già sử dụng được	Cây	430	100%		30.000	12.900.000
12	Quế có đường kính gốc $> 2\text{cm}$ đến $\leq 4\text{cm}$	Cây	1.797	100%		82.000	147.354.000

13	Quế có đường kính gốc > 4cm đến ≤ 8cm	Cây	733	100%		137.000	100.421.000
14	Quế có đường kính gốc > 8cm đến ≤ 10cm	Cây	28	100%		244.000	6.832.000
15	Quế có đường kính gốc > 10cm đến ≤ 12cm	Cây	1	100%		384.000	384.000
16	Cây lấy củi có đường kính gốc > 10cm đến < 30cm	Cây	12	100%		50.000	600.000
C	MÒ MÃ						0
D	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ						37.761.210
1	Hỗ trợ ổn định đời sống 1 tháng	khẩu	17	100%		477.990	8.125.830
2	Hỗ trợ ổn định đời sống 2 tháng	khẩu	13	100%		955.980	12.427.740
3	Hỗ trợ ổn định đời sống 12 tháng	khẩu	3	100%		5.735.880	17.207.640
	Tổng cộng phần I = (A+B+C+D):						5.317.223.410

15. Tổng Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bao gồm: Tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí khác: 5.476.740.112 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ bốn trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi nghìn một trăm mười hai đồng)

Trong đó:

- Mức bồi thường hỗ trợ trực tiếp	5.317.223.410 đồng.
+ Bồi thường, hỗ trợ đất đai:	4.525.219.200 đồng.
+ Bồi thường công trình, vật kiến trúc:	0 đồng.
+ Bồi thường, hỗ trợ về mồ mã:	0 đồng.
+ Bồi thường cây cối, hoa màu:	754.243.000 đồng.
+ Các khoản hỗ trợ:	37.761.210 đồng.
- Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Tạm tính)	159.516.702 đồng.

16. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

(Có phương án bồi thường, hỗ trợ; Phương án chi tiết về bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng đã đóng dấu “ ĐẤY THẨM ĐỊNH ” của phòng Kinh tế xã Tây Trà Bồng kèm theo)

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh khu vực Bình Sơn phối hợp với Chủ đầu tư và UBND xã Tây Trà Bồng phổ biến, niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Tổ chức thực hiện đúng các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung thẩm định của Phòng kinh tế xã Tây Trà Bồng tại Báo cáo thẩm định số 02/BCTĐ-PKT ngày 30/09/2025.

2. Quyết định này là căn cứ để Chủ đầu tư, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh khu vực Bình Sơn tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thanh quyết toán khoản kinh phí bồi thường, hỗ trợ đúng quy định hiện hành của nhà nước.

3. Chủ đầu tư và Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh khu vực Bình Sơn chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý, hợp pháp của hồ sơ, chứng từ, về nguồn gốc sử dụng đất, về chủ sử dụng, hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp và thời điểm sử dụng đất; số liệu kiểm kê và diện tích các loại đất, tài sản được bồi thường, hỗ trợ; tính chính xác giữa các số liệu trong biên bản kiểm kê với phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của cả dự án, công trình theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm giải quyết các ý kiến phản ánh, kiến nghị của người dân có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng và thu hồi đất.

4. Phòng Kinh tế xã có trách nhiệm về tính pháp lý, là cơ Quan chuyên môn phụ trách thẩm định định Dự án, chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ, chứng từ, về nguồn gốc sử dụng đất, về chủ sử dụng, hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp và thời điểm sử dụng đất; số liệu kiểm kê và diện tích các loại đất, tài sản được bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của cả dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Thủ trưởng các phòng: Kinh tế, Văn hoá – Xã hội; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh khu vực Bình Sơn; Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi; Ban QLDA ĐTXD khu vực Trà Bồng và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT(KT) UBND xã;
- Lưu: VT.

Bùi Thanh Dũng